TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/DS-ST

Ngày: 12/3/2024

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Lê Bình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 366/2023/TLST-DS ngày 01/12/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà ***La Thị Thùy V***; sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: F khu phố B, phường K, thành phố BT, tỉnh BT

2. *Bị đơn*: Bà ***Nguyễn Thị Đ***, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: B ấp P, xã H, thành phố BT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn bà V trình bày:

Vào ngày 13/6/2022 bà Nguyễn Thị Đ đi với bà Đặng Thị Thu Tr bạn của bà Đ đến nhà bà để mượn số tiền 300.000.000 đồng. Bà Đ nói là mượn đưa cho con trai tên V đang làm xây dựng thiếu vốn. Bà Đ nói chồng bà Đ kêu mượn để đến khi rút tiền trong ngân hàng ra sẽ trả lại, bà Đ nhờ bà Tr viết giấy mượn tiền. Bà Đ đã ký tên, đã nhận và đếm tiền. Bà cho bà Đ mượn với lãi suất 1%/tháng nhưng từ đó đến nay bà Đ chưa trả cho bà khoản tiền nào. Bà có đến nhà bà Đ yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà Đ không trả. Nay bà yêu cầu bà Đ trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền trên từ ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử là 20 tháng, lãi suất 1%/tháng

là 60.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Đ đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ vắng mặt không lý do. Theo bản tự khai/bản tường trình của bà Nguyễn Thị Đ ngày 11/8/2023 tại Công an xã H thành phố BT thì: bà Đ thừa nhận bà và bà Tr có đến nhà bà V để mượn số tiền 300.000.000 đồng, do bà không biết chữ nên bà có nhờ bà Tr ghi giấy mượn tiền bà có ký tên vào giấy mượn tiền và nhận số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó đến tháng 10/2022 bà Tr cần tiền để làm ăn nên nói bà mượn dùm 300.000.000 đồng, còn số tiền 300.000.000 đồng bà mượn của bà V thì bà Tr nói để bà Tr trả cho bà V. Còn số tiền 550.000.000 đồng thì bà đi với bà Tr lên nhà bà V nhưng bà Tr là người viết giấy mượn và ký tên và nhận tiền chứ bà không có nhận số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 13/11/2023 bà La Thị Thùy V có đơn khởi kiện yêu cầu, bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và phần lãi của số tiền trên. Bà Đượm hiện cư trú tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo như bà V trình bày vào tháng 6/2022 bà có cho bà Đ mượn 300.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn 02 tháng nhưng khi hết hạn không trả. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Bà Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ.

[4] *Về nội dung vụ án*: Tại tòa, bà V yêu cầu cầu bà Đ trả cho bà số tiền vốn là 300.000.000 đồng và phần tiền lãi của số tiền trên từ tháng 6/2022 đến ngày xét xử là 20 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng với số tiền là 60.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 360.000.000 đồng.

Xét giấy nhận nợ ghi ngày 13/6/2022 thể hiện: "*Tôi tên là Nguyễn Thị Đ 678 Phú Hữu xã Phú Hưng thành phố Bến Tre có mượn của em V (Dung) 300.000.000 (Ba trăm triệu) với lãi suất thỏa thuận. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm với số tiền trên.*" Có chữ ký tên Đ. Bên cạnh đó tại bản tự khai/bản tường trình của bà Nguyễn Thị Đ ngày 11/8/2023 tại Công an xã H thành phố BT bà Đ thừa nhận bà và bà Tr có

đến nhà bà V để mượn số tiền 300.000.000 đồng, do bà không biết chữ nên bà có nhờ bà Tr ghi giấy mượn tiền bà có ký tên vào giấy mượn tiền và nhận số tiền 300.000.000 đồng. Từ đó có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà V với bà Đ là có thật. Bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên bà V khởi kiện yêu cầu bà Đ phải thanh toán cho bà phần nợ trên và lãi suất là có cơ sở nên được chấp nhận.

Việc bà Đ cho rằng tháng 10/2022 bà Tr cần tiền để làm ăn nên nói bà mượn dùm 300.000.000 đồng, còn số tiền 300.000.000 đồng bà mượn của bà V thì bà Tr nói để bà Tr trả cho bà V. Bà Đ là người trực tiếp nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà V nên bà phải có trách nhiệm trả cho bà V. Việc bà Đ cho rằng bà và bà Tr thỏa thuận bà Tr trả bà V thay cho bà Đ không được sự đồng ý của bà V nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà. Riêng số tiền 550.000.000 đồng bà Đ cho rằng bà đi với bà Tr lên nhà bà V nhưng bà Tr là người viết giấy mượn và ký tên và nhận tiền chứ bà không có nhận tiền thì do bà V không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Số tiền 300.000.000 đồng bà V yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng với thời hạn 20 tháng là đúng theo qui định của pháp luật.

Cụ thể: 300.000.000 đồng x 1% x 20 tháng = 60.000.000 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng)

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Đ phải chịu. Tuy nhiên theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đ được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà *La Thị Thùy* ; cụ thể tuyên:

Buộc bà ***Nguyễn Thị Đ*** có trách nhiệm trả cho bà ***La Thị Thùy V*** số tiền là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Đ được miễn. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho bà La Thị Thùy V số tiền 8.775.000 đồng (Tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000885 ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bình Nguyên **Dương Thị Thanh Thúy** **Nguyễn Duy Phong**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bình Nguyên **Dương Thị Thanh Thúy** **Nguyễn Duy Phong**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

Theo nội dung đơn khởi kiện, vào ngày 09/10/ 2017 ông Nguyễn Văn Quốc có cho ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh vay số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, mức lãi suất là 0,666%/ tháng lúc mượn tiền hai bên có ký hợp đồng vay mượn tiền và có chứng thực. Nhưng đến thời điểm hiện tại ông ông Hiệp và bà Oanh chưa trả tiền cho ông Quốc theo thõa thuận. Yêu cầu của ông Quốc là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do yêu cầu được chấp nhận ông Nguyễn Văn Quốc không phải chịu án phí.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 46.795.200 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng).*

.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Quốc về việc yêu cầu ông Hiệp và bà Oanh trả số tiền vay và lãi tổng cộng 159.840.000 đồng chứng cứ ông Quốc yêu cầu ông Hiệp và bà Oanh trả tiền là các hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2017 và giấy cam kết trả nợ ngày 13/9/2020.

Xét về hình thức tờ " Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" ông Quốc khai là do các bên cùng thỏa thuận đánh máy ra, viết tay và ký tên khi ông Hiệp và bà Oanh nhận tiền của ông Quốc, Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của ông Quốc và nội dung trong các tờ " Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" thể hiện ông ông Hiệp và bà Oanh có mượn số tiền của ông Quốc 1.000.000.000 đồng, mức lãi suất là 0,666%/ tháng lời khai của bà Hồng phù hợp với nội dung các tờ " Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông Quốc với ông Hiệp và bà Oanh, là có thật.

Xét thấy số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà ông Hiệp và bà Oanh đã ghi trong " Hợp đồng vay n tiền" và "Giấy nhận nợ" được hai bên thỏa thuận giao kết vào các ngày ngày 09/10/2017và ngày 13/9/2020 và yêu cầu tiền lãi số tiền 159.840.000 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Quốc.

Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ do ông Nguyễn Văn quốc cung cấp. Nhưng ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quốc cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận các tờ "Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của ông Nguyễn Văn Quốc.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh còn nợ ông Nguyễn Văn Quốc số tiền 1.159.840.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng đã mượn, trong đó 1.000.000.000 (*một tỷ đồng)* theo "Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Quốc yêu cầu tính lãi suất số tiền đã vay của ông Tuyến và phần lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xem xét đến phần lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi bà Hồng yêu cầu 24 tháng với mức 0,666%/tháng trên tổng số tiền vay 1.000.000.000 đồng với số tiền 159.840.000 đồng không trái với quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước và quy định về lãi suất được căn cứ tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Áp dụng Điều 4, 117,119, 463, 466, 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Quốc.

Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải trả cho ông Nguyễn Văn Quốc số tiền là số tiền là 1.159.840.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng đã mượn, trong đó 1.000.000.000 (*một tỷ đồng)* tiền nợ gốc và tiền lãi là 159.840.000 (một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 46.795.200 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng).*

Hoàn cho ông Nguyễn Văn Quốc số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.398.000 đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005203 ngày 13/11/2020 tại chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre,tỉnh Bến Tre.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Thúy **Trần Thị Kim Mỹ** **Nguyễn Duy Phong**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền **Nguyễn Thị Bé Em** **Nguyễn Duy Phong**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Lý Thị Kim Ngân** **Nguyễn Duy Phong**